

PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA HUYỆN SƠN HÀ THÁNG 03 NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số /UBND-TCKH ngày tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Sơn Hà)

ST T	Nội dung	Dự toán năm được chi				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/3/2025									Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4 năm						Ghi chú
		Tổng số	Dự toán được kéo dài (nếu có)	Dự toán giao trong năm 2025		Tổng số	Thanh toán dự toán kéo dài			Thanh toán dự toán năm 2025			Tổng cộng	Trong đó							
				Dự toán QH/TT CP giao	Dự toán Bộ, ngành, địa phương triển khai		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tỷ lệ so với dự toán được kéo dài	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Von tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tỷ lệ so với dự toán năm	Thanh toán dự toán kéo dài	Tỷ lệ so với Dự toán kéo dài	Thanh toán dự toán năm	Tỷ lệ so với dự toán năm		
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+12	8=9+10	9	10	11=8/4	12=13+14	13	14	15=12/6	16=17+19	17	18=17/4	19	20=19/6	21	
	TỔNG SỐ	86.270,049	84.205,049	-	2.065,000	818,820	818,820	818,820	-	0,97%	-	-	-	0,00%	1.918,820	1.918,820	2,28%	-	0,00%		
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	7.642,631	5.577,631	-	2.065,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.	440,415	440,415	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-			
1.1	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, ...	440,415	440,415	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	-	0,00%	-			
	- Ngân sách Trung ương	0,003	0,003		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
	- Ngân sách tỉnh	202,662	202,662		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
	- Ngân sách huyện	237,750	237,750		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
2	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.	650,000	500,000	-	150,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
2.1	Nội dung 01,02,09: Duy tu, sửa chữa các công trình hạ	650,000	500,000	-	150,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
	- Ngân sách Trung ương	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-	-		-			
	- Ngân sách tỉnh	380,000	230,000		150,000	-	-	-		0,00%	-	-		0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
	- Ngân sách huyện	270,000	270,000		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
3	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	3.870,205	3.570,205	-	300,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
3.1	Nội dung 02: Hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất	3.531,018	3.531,018	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-			
	- Ngân sách Trung ương	1.814,592	1.814,592		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
	- Ngân sách tỉnh	595,250	595,250		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
	- Ngân sách huyện	1.121,177	1.121,177		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
3.2	Nội dung 04: Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP	339,187	39,187	-	300,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
	- Ngân sách Trung ương	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-	-		-			
	- Ngân sách tỉnh	300,000	-		300,000	-	-	-			-	-		0,00%	-	-		-	0,00%		
	- Ngân sách huyện	39,187	39,187		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	-	0,00%	-			
4	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống	1.630,000	620,000	-	1.010,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
4.1	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	1.630,000	620,000	-	1.010,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
	- Ngân sách Trung ương	1.000,000	400,000		600,000	-	-	-		0,00%	-	-		0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
	- Ngân sách tỉnh	330,000	100,000		230,000	-	-	-		0,00%	-	-		0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
	- Ngân sách huyện	300,000	120,000		180,000	-	-	-		0,00%	-	-		0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		
5	Nội dung thành phần số 10: giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	260,000	-	-	260,000	-	-	-	-		-	-	-	0,00%	-	-		-	0,00%		
5.1	Nội dung 01: Chỉ tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn	260,000	-	-	260,000	-	-	-	-		-	-	-	0,00%	-	-		-	0,00%		
	- Ngân sách Trung ương	200,000	-		200,000	-	-	-			-	-		0,00%	-	-		-	0,00%		
	- Ngân sách tỉnh	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-	-		-			
	- Ngân sách huyện	60,000	-		60,000	-	-	-			-	-		0,00%	-	-		-	0,00%		
6	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	792,011	447,011	-	345,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%		

ST T	Nội dung	Dự toán năm được chi				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/3/2025								Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4 năm					Ghi chú	
		Tổng số	Dự toán được kéo dài (nếu có)	Dự toán giao trong năm 2025		Tổng số	Thanh toán dự toán kéo dài			Thanh toán dự toán năm 2025			Tổng cộng	Trong đó						
				Dự toán QH/TT CP giao	Dự toán Bộ, ngành, địa phương triển khai		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tỷ lệ so với dự toán được kéo dài	Tổng số	Trong đó:		Thanh toán dự toán kéo dài	Tỷ lệ so với Dự toán kéo dài	Thanh toán dự toán năm	Tỷ lệ so với dự toán năm			
												Thanh toán khối lượng hoàn thành						Von tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Tỷ lệ so với dự toán năm
6.1	Nội dung 01: Quản lý điều hành, kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình nông thôn mới	742,000	397,000	-	345,000	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%	
	- Ngân sách Trung ương	191,000	41,000		150,000	-	-	-		0,00%	-	-		0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%	
	- Ngân sách tỉnh	480,000	330,000		150,000	-	-	-		0,00%	-	-		0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%	
	- Ngân sách huyện	71,000	26,000		45,000	-	-	-		0,00%	-	-		0,00%	-	-	0,00%	-	0,00%	
6.2	Nội dung 02: Tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới; tập huấn nâng cao năng lực cán bộ triển khai Chương trình	50,011	50,011	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	-	-		-	-	-	-			-	-			-	-		-		
	- Ngân sách tỉnh	10,011	10,011		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	40,000	40,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	15.116,531	15.116,531	-	-	572,170	572,170	572,170	-	3,79%	-	-	-		572,170	572,170	3,79%	-		
1	Dự án 2 - Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	9.070,105	9.070,105	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	7.643,100	7.643,100		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	890,200	890,200		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	536,805	536,805		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	2.524,123	2.524,123	-	-	572,170	572,170	572,170	-	22,67%	-	-	-		572,170	572,170	22,67%	-		
2.1	Tiêu dự án 1 - Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	2.204,000	2.204,000	-	-	572,170	572,170	572,170	-	25,96%	-	-	-		572,170	572,170	25,96%	-		
	- Ngân sách Trung ương	1.728,870	1.728,870		-	484,520	484,520	484,520		28,03%	-	-			484,520	484,520	28,03%	-		
	- Ngân sách tỉnh	243,370	243,370		-	49,600	49,600	49,600		20,38%	-	-			49,600	49,600	20,38%	-		
	- Ngân sách huyện	231,760	231,760		-	38,050	38,050	38,050		16,42%	-	-			38,050	38,050	16,42%	-		
2.2	Tiêu dự án 2 - Cải thiện dinh dưỡng	320,123	320,123	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	244,123	244,123		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	41,000	41,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	35,000	35,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	984,000	984,000	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
3.1	Tiêu dự án 1- Phát triển giáo dục vùng nghèo, vùng khó khăn	467,000	467,000	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	406,000	406,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	41,000	41,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	20,000	20,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
3.2	Tiêu dự án 3- Hỗ trợ việc làm bền vững	517,000	517,000	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	450,000	450,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	45,000	45,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	22,000	22,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
4	Dự án 6	599,585	599,585	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
4.1	Tiêu dự án 1- Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	277,855	277,855	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	223,855	223,855		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	21,000	21,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	33,000	33,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
4.2	Tiêu dự án 2- Truyền thông về giảm nghèo	321,730	321,730	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	270,650	270,650		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	32,780	32,780		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	18,300	18,300		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
5	Dự án 7	1.938,718	1.938,718	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
5.1	Tiêu dự án 1- Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	1.370,262	1.370,262	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	1.173,862	1.173,862		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	127,000	127,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	69,400	69,400		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
5.2	Tiêu dự án 2 - Giám sát, đánh giá	568,456	568,456	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	487,720	487,720		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	50,309	50,309		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		

ST T	Nội dung	Dự toán năm được chi				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/3/2025								Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4 năm					Ghi chú
		Tổng số	Dự toán được kéo dài (nếu có)	Dự toán giao trong năm 2025		Tổng số	Thanh toán dự toán kéo dài			Thanh toán dự toán năm 2025			Tổng cộng	Trong đó					
				Dự toán QH/TT CP giao	Dự toán Bộ, ngành, địa phương triển khai		Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tỷ lệ so với dự toán kéo dài	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Von tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tỷ lệ so với dự toán năm	Thanh toán dự toán kéo dài	Tỷ lệ so với Dự toán kéo dài	Thanh toán dự toán năm	
	- Ngân sách huyện	30,427	30,427		-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-			
III	Chương trình MTQG PTKT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	63.510,888	63.510,888	-	-	246,650	246,650	246,650	-	0,39%	-	-	-	1.346,650	1.346,650	2,12%	-		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất n xuất, nước sinh hoạt	2.449,817	2.449,817	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	350,000	350,000	14,29%	-		
	- Ngân sách Trung ương	2.153,889	2.153,889		-	-	-	-		0,00%	-	-		350,000	350,000	16,25%	-		
	- Ngân sách tỉnh	271,118	271,118		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	24,810	24,810		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	187,000	187,000	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	170,000	170,000		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	17,000	17,000		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	22.632,676	22.632,676	-	-	246,650	246,650	246,650	-	1,09%	-	-	-	996,650	996,650	4,40%	-		
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	12.108,999	12.108,999	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	10.924,999	10.924,999		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	1.184,000	1.184,000		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	10.523,677	10.523,677	-	-	246,650	246,650	246,650	-	2,34%	-	-	-	996,650	996,650	9,47%	-		
	- Ngân sách Trung ương	7.245,835	7.245,835		-	246,650	246,650	246,650		3,40%	-	-		746,650	746,650	10,30%	-		
	- Ngân sách tỉnh	1.219,362	1.219,362		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	2.058,480	2.058,480		-	-	-	-		0,00%	-	-		250,000	250,000	12,14%	-		
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	216,437	216,437	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%	-		
4.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	216,437	216,437	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	109,016	109,016		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	4,362	4,362		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	103,059	103,059		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	19.093,573	19.093,573	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%	-		
5.1	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-		-		
	- Ngân sách Trung ương	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
	- Ngân sách tỉnh	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
	- Ngân sách huyện	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-		-		
	- Ngân sách Trung ương	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
	- Ngân sách tỉnh	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
	- Ngân sách huyện	-	-		-	-	-	-			-	-		-	-		-		
5.3	Tiểu dự án 3: phát triển giáo dục nghề nghiệp và 'giải quyết việc làm	14.100,210	14.100,210	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	12.668,210	12.668,210		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	1.279,000	1.279,000		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	153,000	153,000		-	-	-	-		0,00%	-	-		-	-	0,00%	-		
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng 'đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	4.993,363	4.993,363	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-	-	-	0,00%	-		

ST T	Nội dung	Dự toán năm được chi				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến ngày 31/3/2025								Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 4 năm					Ghi chú	
		Tổng số	Dự toán được kéo dài (nếu có)	Dự toán giao trong năm 2025		Tổng số	Thanh toán dự toán kéo dài				Thanh toán dự toán năm 2025				Tổng cộng	Trong đó				
				Dự toán QH/TT CP giao	Dự toán Bộ, ngành, địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ so với dự toán kéo dài	Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ so với dự toán năm		Thanh toán dự toán kéo dài	Tỷ lệ so với Dự toán kéo dài	Thanh toán dự toán năm		Tỷ lệ so với dự toán năm
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Von tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi							
	- Ngân sách Trung ương	4.497,363	4.497,363		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	477,000	477,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	19,000	19,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	912,720	912,720	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	827,720	827,720		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	85,000	85,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	-	-		-	-	-	-			-	-			-	-		-		
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	24,158	24,158	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	0,158	0,158		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	-	-		-	-	-	-			-	-			-	-		-		
	- Ngân sách huyện	24,000	24,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	2.725,230	2.725,230	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	2.427,360	2.427,360		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	297,870	297,870		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	-	-		-	-	-	-			-	-			-	-		-		
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	12.502,476	12.502,476	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	11.753,000	11.753,000	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	10.554,000	10.554,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	1.056,000	1.056,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	143,000	143,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	749,476	749,476	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	658,006	658,006		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	83,470	83,470		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	8,000	8,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động Trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	2.766,802	2.766,802	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	1.822,340	1.822,340	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	1.688,340	1.688,340		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	123,000	123,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	11,000	11,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	481,000	481,000	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	437,000	437,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	44,000	44,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	-	-		-	-	-	-			-	-			-	-		-		
10.3	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	463,461	463,461	-	-	-	-	-	-	0,00%	-	-	-		-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách Trung ương	403,386	403,386		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách tỉnh	41,000	41,000		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		
	- Ngân sách huyện	19,076	19,076		-	-	-	-		0,00%	-	-			-	-	0,00%	-		